TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 85/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16/4/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đình Bạn
2. Bà Lê Thị Kim Phụng

- Thư ký Tòa án: Bà Lê Thị Thùy Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 345/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn và con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Bích H (*có mặt*).
Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.
2. *Bị đơn*: Anh Trương Văn T *(có mặt).*
Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 21 tháng 12 năm 2018 và các lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị Bích H trình bày:

1. Về hôn nhân:

Chị Trương Thị Bích Hạnh và anh Trương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 6 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Chị và anh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 7 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường cãi vả nhau và chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng ly thân nhau từ tháng 7/2018 đến nay.

Chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy, chị H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Tại bản tự khai của anh Trương Văn T (bị đơn) ngày 19/02/2019 đối với yêu cầu của nguyên đơn ngày 21 tháng 12 năm 2019, anh T thừa nhận nguyên nhân

mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng anh hiện nay không còn tại phiên tòa hôm nay anh đồng ý ly hôn.

2. Về con chung:

Chị H và anh T khai vợ chồng có một con chung là Trương Minh N, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2017.

Nay ly hôn chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung và yêu cầu anh T đóng góp nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh T cũng có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu chị H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T thống nhất khai tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu tòa can thiệp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng ly thân từ tháng 7/2018 đến nay, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do vậy, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX nghĩ nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T là phù hợp với thực tế và đúng với quy định pháp luật

2. Về con chung: Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị H và anh T thì thấy: Trong thời gian chung sống vợ chồng có một con chung là Trương Minh N, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2017. Chị H và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con chung. HĐXX xét thấy, anh T hiện nay đi làm ăn xa. Cháu N hiện còn nhỏ mới hơn 25 tháng tuổi nên cháu cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, chị H cũng có thu nhập ổn định nên đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N. Căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của chị H là được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng Trương Minh N đến khi trưởng thành và buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi là phù hợp. HĐXX không chấp nhận nguyện vọng nuôi con chung của ông T là phù hợp với thực tế và đúng quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: HĐXX nghĩ nên buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trương Minh N mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp với thực tế và đúng quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T khai tự thỏa thuận giải quyết nên HĐXX không xét.

5. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trương Thị Bích H đối với anh Trương Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị Bích H được ly hôn với anh Trương Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Trương Minh N, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2017 cho chị Trương Thị Bích H nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh Trương Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trương minh N mỗi tháng 1.500.000 (*một triệu năm trăm ngàn*) đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ, chăm sóc con chung.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không trả số tiền trên thì hàng tháng anh T còn phải chịu một khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS.

3. Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 00030550 ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Lộc. . Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử vắng mặt.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Phượng